

Số: 88 /BC-TLĐ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện “Năm phát triển đoàn viên”
6 tháng đầu năm 2016**



Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc lấy năm 2016 là “Năm phát triển đoàn viên”, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo tình hình thực hiện Chương trình phát triển đoàn viên 6 tháng đầu năm 2016 “Năm phát triển đoàn viên” với một số nội dung, kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Đối với Tổng Liên đoàn.

- Đoàn Chủ tịch TLĐ đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-TLĐ ngày 22/01/2016, triển khai “Năm phát triển đoàn viên”, theo đó, đã giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2016 cho 83 đơn vị, trong đó: LĐLĐ tỉnh, TP giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên tăng thêm; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn giao chỉ tiêu kết nạp mới.

- Tập trung chỉ đạo các cấp công đoàn triển khai thực hiện “Năm phát triển đoàn viên” theo 5 nhóm giải pháp chủ yếu và thực hiện mục tiêu cụ thể đó trong năm 2016, cả nước tăng thêm ít nhất 600.000 đoàn viên; thành lập CĐCS ở 90% trở lên số doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 lao động trở lên, đối với các khu công nghiệp, phần đầu thành lập CĐCS ở 100% doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 LĐ trở lên.

- Ban hành Hướng dẫn số 876/HD-TLĐ ngày 14/6/2016, hướng dẫn khen thưởng thành tích phát triển đoàn viên năm 2016 và từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2016 để khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển đoàn viên.

- Theo dõi, đôn đốc, cập nhật số liệu tình hình thực hiện phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS trong 6 tháng đầu năm phục vụ báo cáo tổng kết Chương trình PTĐV nửa nhiệm kỳ trình Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn. Tổ chức kiểm tra, nắm tình hình, ban các biện pháp cụ thể để thực hiện Chương trình phát triển đoàn viên ở 6 LĐLĐ tỉnh, thành phố có đông CNLĐ: Tp.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Đồng Nai, Bình Dương.

- Tổng hợp danh sách cán bộ công đoàn chuyên trách chuyên làm công tác phát triển đoàn viên, gồm 1.490 người; có kế hoạch mở 27 lớp tập huấn về phát

triển đoàn viên theo phương pháp mới và bồi dưỡng kỹ năng đối với số cán bộ công đoàn chuyên trách nêu trên.

- Hỗ trợ 70.000 Điều lệ Công đoàn, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các tài liệu tuyên truyền phát triển đoàn viên đối với các LĐLĐ tỉnh, thành phố.

2. Đối với LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Thực hiện Năm phát triển đoàn viên, các đơn vị đã tổ chức khảo sát nắm tình hình CNLĐ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn, theo ngành nghề, và triển khai tuyên truyền phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; tăng cường công tác quản lý đoàn viên công đoàn tại CĐCS và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Các đơn vị tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch, nghị quyết, đẩy mạnh hoạt động của các Ban chỉ đạo, phân công cán bộ phụ trách, thực hiện...

Các đơn vị đã tranh thủ sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, phối hợp với chính quyền, chuyên môn trong công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Hỗ trợ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện Năm phát triển đoàn viên, phân công rõ trách nhiệm đối với các uỷ viên ban thường vụ phụ trách đầu mối công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, phân đấu trong năm 2016 hoàn thành chỉ tiêu được Tổng Liên đoàn giao.

Xây dựng kế hoạch cụ thể của năm, phân bổ chỉ tiêu phát triển đoàn viên công đoàn và thành lập công đoàn cơ sở cho các cấp công đoàn thực hiện. Chỉ đạo các cấp công đoàn định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả, những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất để có hướng chỉ đạo giải quyết kịp thời. Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN

1. Kết quả phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở.

Theo báo cáo của 83/83 LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương và tương đương, CĐ tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, 6 tháng đầu năm 2016, cả nước kết nạp mới 419.344 đoàn viên, thành lập mới 2.941 CĐCS. Trừ số giảm là 167.523 đoàn viên, 1.736 CĐCS, số tăng thêm là 251.821 đoàn viên (đạt 40,7% kế hoạch năm) và 1.736 CĐCS.

Như vậy, đến nay cả nước có 9.200.785 đoàn viên (đạt 58% chỉ tiêu nhiệm kỳ) và 123.326 CĐCS, với 85 % số đơn vị, doanh nghiệp có sử dụng 30 lao động trở lên thành lập được CĐCS. Trong đó: Khu vực Nhà nước có 4.118.248 đoàn viên, chiếm 44,8%, trong đó khối hành chính sự nghiệp nhà nước 3.044.487 đoàn viên; khối doanh nghiệp nhà nước 1.073.761 đoàn viên. Khu vực ngoài Nhà nước có 5.082.537 đoàn viên, chiếm 55,2%, trong đó khối sự nghiệp ngoài công lập 60.286 đoàn viên, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có 2.380.769 đoàn

viên và khối doanh nghiệp vốn đầu tư trong nước có 2.641.482 đoàn viên.

Một số đơn vị đạt chỉ tiêu giao của năm 2016, đó là các LĐLĐ tỉnh: Tuyên Quang (419,5%), Lai Châu (101%); CĐ Viên Chức VN (186,6%), CĐ Quốc Phòng (168%); một số LĐLĐ tỉnh, TP có số lượng đoàn viên tăng thêm nhiều, đó là: Tp.Hồ Chí Minh (48.725 đv), Thái Nguyên (25.292 đv) và đạt 222,8% chỉ tiêu cả nhiệm kỳ, Đồng Nai (22.480 đv), Hà Nội (21.120 đv), Hải Dương (12.750 đv), Thanh Hoá (12.327 đv), Bình Dương (11.279 đv) và đạt 92% chỉ tiêu cả nhiệm kỳ, Bắc Ninh (11.210 đv) và đạt 95% chỉ tiêu cả nhiệm kỳ.

2. Kết quả phát triển đoàn viên theo phương pháp mới.

Việc tuyên truyền phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở theo phương pháp mới đã được quan tâm thực hiện và thu được kết quả bước đầu.

Theo báo cáo chưa đầy đủ, 6 tháng đầu năm 2016 đã thành lập 174 CĐCS, với 16.754 đoàn viên theo phương pháp mới, nâng số đoàn viên cả nước lên 41.161 đoàn viên và 497 CĐCS thành lập theo phương pháp mới.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Ưu điểm:

- Các cấp công đoàn đã có chương trình, kế hoạch, giải pháp thực hiện Năm phát triển đoàn viên, giao chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị và có sự chỉ đạo quyết liệt, tập trung cho công tác phát triển đoàn viên.

- Một số đơn vị đã tổ chức tập huấn phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo phương pháp mới, đồng thời triển khai thực hiện trên thực tế. Bước đầu xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách chuyên làm công tác phát triển đoàn viên và ưu tiên đầu tư kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS trong các doanh nghiệp.

- Một số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, trong đó phần lớn là ở công đoàn các khu công nghiệp đã thực hiện đổi mới nội dung, phương thức phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS có hiệu quả, gắn công tác phát triển đoàn viên với củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc.

- Còn nhiều đơn vị kết quả phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS đạt tỉ lệ thấp, cả nước đạt 40,7% kế hoạch năm 2016 và 58% chỉ tiêu nhiệm kỳ. Một số đơn vị giảm về số lượng đoàn viên, tập trung ở khối ngành TW, công đoàn tổng công ty trực thuộc TLĐ (15 đơn vị giảm tổng số 20.000 đoàn viên); các đơn vị có tỷ lệ tăng trưởng đoàn viên âm như: Sơn La (-74,2%), Yên Bái (-64,3%), Kiên Giang (-46,5%), Sóc Trăng (-43,8%), Cà Mau (-36,7%), Nghệ An (-14,2%), Bắc Kạn (-6,4%), Lạng Sơn (-4,4%).

- Việc phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo phương pháp mới ở nhiều đơn vị còn lúng túng, chậm đổi mới nội dung phương thức phát triển đoàn viên và

thành lập CĐCS, chưa gắn việc thành lập CĐCS với việc nâng cao năng lực hoạt động của CĐCS và thương lượng tập thể, chủ yếu vẫn thành lập CĐCS theo cách làm truyền thống.

- Công tác điều tra, khảo sát xây dựng chương trình, kế hoạch Năm phát triển đoàn viên ở nhiều nơi chưa sát với tình hình thực tế, thiếu tính dự báo.

- Việc giao chỉ tiêu phát triển đoàn viên của các LĐLĐ tỉnh, thành phố chủ yếu vẫn giao chỉ tiêu kết nạp mới, vì vậy có sự khác nhau trong việc đánh giá kết quả thực hiện phát triển đoàn viên giữa Tổng Liên đoàn và các cấp công đoàn.

- Đội ngũ cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nhiều nơi thiếu về số lượng, hạn chế về kỹ năng tổ chức cho người lao động gia nhập và thành lập công đoàn nên còn lúng túng trong việc triển khai phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo phương thức mới.

- Nội dung chỉ đạo của công đoàn cấp trên đối với CĐCS nhìn chung chưa được đổi mới, còn dàn trải nhiều nội dung, ít được cụ thể hóa cho phù hợp.

Có bảng thống kê số liệu PTĐV, thành lập CĐCS đính kèm.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016:

1. Tiếp tục chỉ đạo tập trung nguồn lực cho triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển đoàn viên năm 2016 đã được Tổng Liên đoàn giao:

- Những tháng còn lại của năm 2016, các cấp công đoàn phải quyết liệt thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, phải tăng thêm ít nhất là 350.000 đoàn viên để có thể đạt được mục tiêu 600.000 đoàn viên của năm 2016.

Phấn đấu đến hết năm 2016, cả nước có 9,5 triệu đoàn viên; thành lập CĐCS ở 90% trở lên số doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 lao động trở lên, riêng đối với các khu công nghiệp, phấn đấu thành lập CĐCS ở 100% doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có sử dụng từ 30 lao động trở lên.

- Tổng điều tra, khảo sát về số lượng công nhân lao động, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn để xác định kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong những tháng còn lại của năm 2016 và các năm tiếp theo với các chỉ tiêu được giao.

2. Đa dạng hóa phương thức vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, gắn với thương lượng tập thể và nâng cao chất lượng thỏa ước lao động tập thể. Tích cực triển khai phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo phương pháp mới.

3. Ưu tiên bố trí cán bộ và nguồn kinh phí để tập trung thực hiện Năm phát triển đoàn viên và Chương trình phát triển đoàn viên. Đồng thời tập trung bồi dưỡng tập huấn về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và có chính sách khuyến khích đối với những người chuyên làm công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

4. Xác định những nhiệm vụ trọng tâm để ưu tiên thực hiện, đồng thời hướng dẫn cấp CĐCS từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS, trước mắt tập trung đổi mới một số nội dung nhiệm vụ như sau:

- Tập trung triển khai các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giảm bớt những hoạt động hình thức không có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

- Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức của CĐCS theo hướng tinh gọn, những CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận không phát huy hiệu quả thì chủ động sắp xếp lại theo hướng CĐCS trực tiếp chỉ đạo đến tổ công đoàn, đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công đoàn, trong đó chú trọng tập huấn kỹ năng hoạt động đối với tổ trưởng công đoàn.

- Đổi mới quy trình, cách thức xây dựng, thương lượng thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) theo hướng có sự tham gia tích cực, thực chất của người lao động trong quá trình xây dựng nội dung, tiến hành thương lượng TULĐTT, đảm bảo TULĐTT có những điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

- Xây dựng cơ chế đối thoại giữa ban chấp hành công đoàn cơ sở với người sử dụng lao động để kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động tại nơi làm việc.

5. Chủ động đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp tăng cường sự lãnh đạo, phối hợp, giúp đỡ, tạo điều kiện để các cấp công đoàn đẩy nhanh tiến độ thành lập công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp theo Công văn số 1201/TLĐ ngày 9/8/2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc tập trung nguồn lực phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp, trong đó ưu tiên những doanh nghiệp đang hoạt động có từ 30 lao động trở lên. ✓

Nơi nhận:

- Các LĐLĐ tỉnh, thành phố;
- Các CĐ ngành TW và tương đương, CĐ TCty trực thuộc TLĐ;
- BCD, Tổ giúp việc BCD TLĐ;
- Thường trực ĐCT (báo cáo);
- Lưu VP, Ban Tổ chức TLĐ.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lý

THEO DÕI, PHÂN LOẠI KẾT QUẢ PTĐV NĂM 2016

Đối với các LĐLĐ tỉnh, TP, công đoàn ngành TW và tương đương trực thuộc TLD
(Phân nhóm theo Hướng dẫn số 876/HD-TLD về khen thưởng thành tích PTĐV 2016)

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao phát triển đoàn viên năm 2016	Kết quả thực hiện (trong 6 tháng đầu năm 2016)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu năm 2016 (%)
I. Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu tăng thêm từ 60.000 đoàn viên trở lên				
1	TP Hồ Chí Minh	70000	48725	69.6
2	Bình Dương	60000	11279	18.8
3	Hà Nội	60000	21120	35.2
II. Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu tăng thêm từ 30.000 đến dưới 60.000 đoàn viên.				
4	Đồng Nai	45000	22480	50.0
5	Bắc Ninh	30000	11210	37.4
6	Hải Dương	30000	12750	42.5
7	Thái Nguyên	30000	25292	84.3
III. Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu tăng thêm từ 10.000 đến dưới 30.000 đoàn viên; Các CĐ ngành TW; CĐ TCTy trực thuộc TLD được giao chỉ tiêu phát triển mới từ 10.000 đến dưới 30.000 đoàn viên				
8	Nam Định	10000	6518	65.2
9	Thái Bình	10000	5094	50.9
10	Thanh Hoá	15000	12327	82.2
11	Hải Phòng	20000	9730	48.7
12	Hưng Yên	20000	8113	40.6
13	Long An	15000	3288	21.9
14	Quảng Nam	13000	2813	21.6
15	Tây Ninh	11000	3874	35.2
* Công đoàn ngành TW, CĐ TCTy trực thuộc TLD				
16	Dệt May	10000	5196	52.0
17	Xây dựng	10000	4604	46.0
IV. Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu tăng thêm từ 5.000 đến dưới 10.000 đoàn viên; Các CĐ ngành TW; CĐ TCTy trực thuộc TLD được giao chỉ tiêu phát triển mới từ 5.000 đến dưới 10.000 đoàn viên				
18	An Giang	5000	4189	83.8
19	Bà Rịa-Vũng Tàu	8000	4710	58.9
20	Cần Thơ	9000	6480	72.0
21	Hà Nam	6000	4820	80.3
22	Tiền Giang	6000	3297	55.0
23	Trà Vinh	6500	4403	67.7
24	Vĩnh Phúc	7000	5919	84.6
25	Bắc Giang	8000	2435	30.4
26	Bến Tre	5000	1848	37.0
27	Bình Phước	7000	3580	51.1
28	Đà Nẵng	6000	2388	39.8

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao phát triển đoàn viên năm 2016	Kết quả thực hiện (trong 6 tháng đầu năm 2016)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu năm 2016 (%)
29	Đồng Tháp	5000	1705	34.1
30	Hà Tĩnh	7000	3128	44.7
31	Hậu Giang	6000	611	10.2
32	Khánh Hoà	8000	913	11.4
33	Nghệ An	9000	-1281	-14.2
34	Ninh Bình	6000	1829	30.5
35	Phú Thọ	7000	3127	44.7
36	Phú Yên	6000	280	4.7
37	Thừa Thiên-Huế	7000	919	13.1
* Công đoàn ngành TW, CĐ TCTy trực thuộc TLD				
38	Cao Su	5000	219	4.4
39	Dầu khí	5000	1369	27.4
40	Điện lực	5000	375	7.5
41	Ngân hàng	5000	1386	27.7
42	Than-Khoáng sản	5000	0	0.0
V.	Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu tăng thêm từ 2.000 đến dưới 5.000 đoàn viên; Các CĐ ngành TW; CĐ TCTy trực thuộc TLD được giao chỉ tiêu phát triển mới từ 2.000 đến dưới 5.000 đoàn viên			
43	Quảng Ninh	3000	1542	51.4
44	Bình Định	3000	779	26.0
45	Bình Thuận	4000	733	18.3
46	Cà Mau	3000	-1101	-36.7
47	Đắk Lắk	3000	483	16.1
48	Gia Lai	3000	1303	43.4
49	Hoà Bình	2000	868	43.4
50	Kiên Giang	2500	-1163	-46.5
51	Lạng Sơn	2000	-87	-4.4
52	Lâm Đồng	2500	179	7.2
53	Quảng Ngãi	4500	1983	44.1
54	Quảng Trị	3000	549	18.3
55	Tuyên Quang	2000	989	49.5
* Công đoàn ngành TW, CĐ TCTy trực thuộc TLD				
56	T.tin và T.thông	2000	429	21.5
57	Công An	2500	1465	58.6
58	Công Thương	3000	764	25.5
59	Giao thông	3500	1389	39.7
60	Giáo dục	2500	135	5.4
61	N.nghiệp và PTNT	3000	1356	45.2
62	Quốc phòng	3000	5041	168.0
63	Y tế	3000	44	1.5

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao phát triển đoàn viên năm 2016	Kết quả thực hiện (trong 6 tháng đầu năm 2016)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu năm 2016 (%)
VI.	Các LĐLĐ tỉnh, TP được giao chỉ tiêu dưới 2.000 đoàn viên; Các CĐ ngành TW; CĐ TCTy trực thuộc TLĐ được giao chỉ tiêu phát triển mới dưới 2.000 đoàn viên.			
64	Cao Bằng	500	390	78.0
65	Vĩnh Long	1000	4915	491.5
66	Bạc Liêu	1500	86	5.7
67	Bắc Kạn	500	-32	-6.4
68	Đắk Nông	1000	248	24.8
69	Điện Biên	1000	169	16.9
70	Hà Giang	1000	12	1.2
71	Kon Tum	1000	167	16.7
72	Lai Châu	300	303	101.0
73	Lào Cai	1500	258	17.2
74	Ninh Thuận	1000	434	43.4
75	Quảng Bình	1500	487	32.5
76	Sóc Trăng	1000	-438	-43.8
77	Sơn La	1500	-1113	-74.2
78	Yên Bái	800	-514	-64.3
	<i>* Công đoàn ngành TW, CĐ TCTy trực thuộc TLĐ</i>			
79	C.nghiệp tàu thủy	500	387	77.4
80	Đường sắt	1500	399	26.6
81	Hàng hải	1000	390	39.0
82	Hàng không	1000	150	15.0
83	Viên chức	500	933	186.6
TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG				
Cộng địa phương: Giao tăng thêm thực tế		626100	272342	43.5
Cộng ngành: Giao phát triển mới		72000	26031	36.2

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2016

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016
Kế hoạch chỉ tiêu bình quân hàng năm: Phát triển tăng thêm hơn 626.100 đoàn viên
(Thời điểm báo cáo tính đến hết 31/5/2016)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng đầu kỳ báo cáo	Số lượng cuối kỳ báo cáo	Chênh lệch so với đầu kỳ	Phân tích diễn biến số lượng trong năm báo cáo			
						Các yếu tố tăng		Các yếu tố giảm	
						Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 6 - 8 + 9 + 10	8	9	10
I/	Tổng số Đoàn viên CĐ	Người	8948964	9200785	251821	419344	108247	105211	170559
1	Khu vực Nhà nước	"	4125738	4118248	-7490	56314	18420	33465	48759
1.1	Hành chính sự nghiệp nhà nước	"	3028011	3044487	16476	38753	14109	12792	23594
	<i>Tính riêng :</i>								
	- Sự nghiệp công lập	"	1912594	1949452	36858	45089	10398	5201	13428
	- Xã, phường, thị trấn	"	358527	364494	5967	9319	614	1785	2181
1.2	Doanh nghiệp nhà nước	"	1097727	1073761	-23966	17561	4311	20673	25165
2	Khu vực ngoài Nhà nước	"	4823226	5082537	259311	363030	89827	71746	121800
2.1	Sự nghiệp ngoài công lập	"	60168	60286	118	4477	234	3283	1310
2.2	Sản xuất kinh doanh:	"	4763058	5022251	259193	358553	89593	68463	120490
	- KV có vốn đầu tư nước ngoài	"	2477463	2641482	164019	201614	39016	12942	63669
	- KV có vốn đầu tư trong nước	"	2285595	2380769	95174	156939	50577	55521	56821
II/	Tổng số công đoàn cơ sở	CĐCS	121590	123326	1736	2941	651	600	1256
1.	Khu vực Nhà nước	"	80892	81119	227	435	234	156	286
1.1	Hành chính sự nghiệp NN	"	76940	77248	308	376	219	63	224
	<i>Tính riêng :</i>								
	- Sự nghiệp công lập	"	49324	50090	766	963	199	263	133
	- Xã phường, thị trấn	"	11162	11164	2	2	0	0	0
1.2	Doanh nghiệp nhà nước	"	3952	3871	-81	59	15	93	62
2.	Khu vực ngoài Nhà nước	"	40698	42207	1509	2506	417	444	970
2.1	Sự nghiệp ngoài công lập	"	1605	1481	-124	51	2	157	20
2.2	Sản xuất kinh doanh:	"	39093	40726	1633	2455	415	287	950
2.2.1	Liên doanh nước ngoài	"	675	705	30	39	8	5	12
2.2.2	100% vốn nước ngoài	"	5422	5718	296	359	15	13	65
2.2.3	Công ty cổ phần	"	11875	12369	494	600	239	115	230
2.2.4	Công ty TNHH	"	16858	17687	829	1316	147	127	507
2.2.5	Doanh nghiệp tư nhân	"	1986	2002	16	94	3	18	63
2.2.6	Hợp tác xã	"	1042	1023	-19	15	3	0	37
2.2.7	Nghiep đoàn	"	615	609	-6	8	0	1	13
2.2.8	Loại hình khác	"	620	613	-7	24	0	8	23

Ghi chú :

- Số đơn vị đã báo cáo: **83/83 đơn vị**

- Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch năm PTĐV là: **251821 đv / 626.100 đv = 40,69 %**

- Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu Nhiệm kỳ về PTĐV là: **1.254.275 đv / 2.161.550 đv = 58,03%**

DANH SÁCH BÁO CÁO PTĐV THEO ĐIỀU 17 DL CĐVN*(Tính đến ngày 31/5/2016)*

TT	Đơn vị	Số CĐCS	Số ĐV	Tên CĐCS	Loại hình CĐCS
1	An Giang	1	860	C/ty TNHH SAMO An Giang	100% vốn Hàn Quốc
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	16	1194	Có DS cụ thể kèm theo	
3	Bạc Liêu	0	0		
4	Bắc Kạn	0	0		
5	Bắc Giang	40	4736	Có DS cụ thể kèm theo	
6	Bắc Ninh	2	339		
7	Bến Tre	0	0		
8	Bình Dương	38	2468	Có DS cụ thể kèm theo	
9	Bình Định	0	0		
10	Bình Phước	4	46		
11	Bình Thuận	3	376		
12	Cà Mau	2	62	Có DS cụ thể kèm theo	
13	Cao Bằng	0	0		
14	Cần Thơ	8	275	Có DS cụ thể kèm theo	
15	Đà Nẵng	22	1668	Có DS cụ thể kèm theo	
16	Đắk Lắk	0	0		
17	Đắk Nông	0	0		
18	Đồng Nai	138	11481	Có DS cụ thể kèm theo	
19	Đồng Tháp	1	35	C/ty TNHH ITV May Nguyễn Phụng Tinh	DN vốn trong nước
20	Điện Biên	0	0		
21	Gia Lai	0	0		
22	Hà Giang	0	0		
23	Hà Nam	0	0		
24	Hà Nội	20	1199	Có DS cụ thể kèm theo	
25	Hà Tĩnh	0	0		
26	Hải Dương	3	74	Có DS cụ thể kèm theo	
27	Hải Phòng	28	5654	Có DS cụ thể kèm theo	
28	Hoà Bình	0	0		
29	TP Hồ Chí Minh	23	2130	Có DS cụ thể kèm theo	
30	Hưng Yên	19	1970	Có DS cụ thể kèm theo	
31	Hậu Giang	0	0		
32	Khánh Hoà	5	111	Có DS cụ thể kèm theo	
33	Kiên Giang	35	998	Có DS cụ thể kèm theo	
34	Kon Tum	2	128	Có DS cụ thể kèm theo	
35	Lai Châu	5	79	Có DS cụ thể kèm theo	
36	Lạng Sơn	0	0		
37	Lào Cai	0	0		
38	Lâm Đồng	1	20	Trường mầm non Mimoza	Mầm non tư thực
39	Long An	12	1475	Có DS cụ thể kèm theo	
40	Nam Định	3	154	Có DS cụ thể kèm theo	
41	Nghệ An	1	76	C/ty CP Tay nghề Yên Thành	DN vốn trong nước
42	Ninh Bình	2	86	Có DS cụ thể kèm theo	

TT	Đơn vị	Số CĐCS	Số ĐV	Tên CĐCS	Loại hình CĐCS
43	Ninh Thuận	10	598	Có DS cụ thể kèm theo	
44	Phú Thọ				
45	Phú Yên	1	7	DN tư nhân Lý Tấn Phát	DN vốn trong nước
46	Quảng Bình	1	151	C/ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam	100% vốn Thái Lan
47	Quảng Nam	12	678	Có DS cụ thể kèm theo	
48	Quảng Ngãi	0	0		
49	Quảng Ninh				
50	Quảng Trị	4	127	Có DS cụ thể kèm theo	
51	Sóc Trăng	0	0		
52	Sơn La	0	0		
53	Tây Ninh	13	266	Có DS cụ thể kèm theo	
54	Thái Bình	5	542		
55	Thái Nguyên	0	0		
56	Thanh Hoá	1	191	c/ty TNHH May Phúc Thịnh	DN vốn trong nước
57	Thừa Thiên-Huế	0	0		
58	Tiền Giang	7	404	Có DS cụ thể kèm theo	
59	Trà Vinh	2	30	Tập đoàn Mỹ Lan	100% vốn Canada
			46	C/ty TNHH Mai Tính Đạt	100% vốn Đài Loan
60	Tuyên Quang	0	0		
61	Vĩnh Long	4	218	Có DS cụ thể kèm theo	
62	Vĩnh Phúc				
63	Yên Bái	3	209	Có DS cụ thể kèm theo	
1	Thông tin và TT	0	0		
2	Cao Su	0	0		
3	Công An	0	0		
4	CN Tàu Thủy	0	0		
5	Công Thương	0	0		
6	Dầu Khí	0	0		
7	Dệt May	0	0		
8	Điện Lực	0	0		
9	Đường Sắt	0	0		
10	Giao Thông	0	0		
11	Giáo Dục	0	0		
12	Hàng Hải	0	0		
13	Hàng Không	0	0		
14	Ngân Hàng	0	0		
15	N.Nghiệp-PTNT	0	0		
16	Quốc Phòng	0	0		
17	Than - K.sản	0	0		
18	Viên Chức	0	0		
19	Xây Dựng	0	0		
20	Y Tế	0	0		
Tổng cộng:		497	41161		